

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 17-9-2020.

V/ v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Đức Thuận.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thủy và bà Lê Thị Hồng Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:** Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐXX-PT ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1995.

HKTT: Xóm Đ, xã TT, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1995.

HKTT: Xóm Đ, xã TT, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm G, xã TH, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Chị Hoàng Thị D là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và chị D được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào tháng 9/2015, và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị D về làm dâu và sống cùng bố mẹ anh tại xã TT, huyện P. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, chị D chưa làm

tròn bổn phận của người vợ, chưa có trách nhiệm với gia đình nhà chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh có nguyện vọng được ly hôn với chị D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 07/10/2016. Hiện nay cháu N đang ở với anh và anh có nguyện vọng nuôi cháu N, không yêu cầu chị D cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị D trình bày: Thời gian kết hôn như anh T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do quan điểm sống không tương đồng. Chị bị bệnh nên người hay mệt mỏi không làm được việc nhà nên chưa chăm sóc chồng con được chu đáo, anh T thường xuyên hắt hủi chị không chăm lo được cho gia đình. Chị muốn chữa khỏi bệnh xong, người khỏe sẽ làm tốt bổn phận của người vợ, người mẹ trong gia đình. Nay anh T nộp đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh T trình bày. Nếu phải ly hôn chị nhất trí để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 07/10/2016.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 58; 81; 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn T, cho anh T được ly hôn chị Hoàng Thị D.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 07/10/2016 đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Chị Hoàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị D đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000304 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Anh Hoàng Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2020 chị Hoàng Thị D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Hoàng Thu N và yêu cầu anh T cấp dưỡng phí tổn nuôi con hàng tháng và trả công sức đóng góp từ khi chị về làm dâu nhà chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Chị D trình bày, chị đã đi làm một tháng ở công ty và có thu nhập hơn 6.000.000đ/tháng, hiện nay chị chưa ký lại hợp đồng với công ty, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/tháng. Đồng thời chị yêu cầu anh T, gia đình anh T trả công sức đóng góp từ khi chị về làm dâu. Tuy nhiên, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm chị chưa có yêu cầu đối với việc này.

Tại cấp phúc thẩm anh T cung cấp “Đơn xác nhận” thể hiện anh ở chung với bố mẹ đẻ, có chỗ ở ổn định, anh làm công tại gia đình anh Trịnh Văn G có mức thu nhập khoảng 6 triệu đồng/tháng, anh có nhiều thời gian chăm sóc con hơn chị D. Anh không nhất trí giao cho con chung cho chị D do chị D sức khỏe yếu không đảm bảo việc chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị D, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P,

tỉnh Thái Nguyên. Giao cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 07/10/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về án phí, chị D phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị D làm trong hạn luật định, đã nộp đủ phí kháng cáo là hợp lệ nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị D về việc xin nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị D có một con chung là cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 07/10/2016. Theo các tài liệu trong hồ sơ và lời khai của anh T, chị D tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện anh T và chị D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, nhưng thực tế chị D không có việc làm ổn định. Tại cấp sơ thẩm chị D nhất trí giao con cho anh T trực tiếp nuôi, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết nào mới, do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D. Xem xét một cách toàn diện, thu nhập của anh T ổn định hơn, có nhiều thời gian dành cho con hơn, hiện cháu N đang đi học ở gần nhà. Do vậy để bảo đảm cho cháu N phát triển tốt nhất về mọi mặt cần giao cháu N cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như quyết định Tòa án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với thực tế.

[3.] Về nội dung kháng cáo chị D yêu cầu anh T và gia đình nhà chồng phải trả tiền công sức đóng góp kể từ khi chị về làm dâu, Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm chị D không yêu cầu nên cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, bác yêu cầu này của chị D.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.] Về án phí: Do chị Hoàng Thị D không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm.

[5.] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị D. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị D.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Thu N, sinh ngày 07/10/2016 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị D có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị D do anh T chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận anh T đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000304 ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, xác nhận chị D đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000413 ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Đức Thuận**